

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 10-5-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phúc;

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 10/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B.

Người theo pháp luật là ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaihodings, số 210, đường Tr, phường T, Quận H, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S là ông Trần Hữu T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Trần Hữu T là ông Trần Văn Nh, sinh năm 1990 - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H.

Địa chỉ: Số 32, đường Ng, phường 1, thành phố V, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th - sinh năm 1954 (có mặt) và ông Trần Vũ Ph - sinh năm 1945 (vắng mặt nhưng ông Ph ủy quyền cho bà Th theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2022).

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B và người đại diện theo ủy quyền lại ông Trần Văn Nh trình bày: Vào ngày 23/12/2020

ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 800202001807 ký ngày 23/12/2020; Mục đích vay: Chăm sóc vườn tiêu và chăn nuôi; thời hạn vay là 11 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 23/11/2021. Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 24/11/2021 đến nay. Từ khi vay đến nay ông Ph, bà Th không trả gốc cho Ngân hàng nhưng vợ chồng ông Ph, bà Th có số tiền dư trong tài khoản là 29 đồng nên trên hệ thống Ngân hàng tự trừ thì còn số tiền vốn gốc là 199.999.971 đồng còn lãi suất thì ông Ph, bà Th đóng được số tiền là 15.079.068 đồng thì ngưng đến nay.

Đồng thời, ông Ph, bà Th có làm hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số HĐTC800202000392 ngày 23/12/2020 là 01 giấy CNQSD đất số C 718768, tờ bản đồ số V, thửa số 151 và thửa 211, tổng diện tích là 7.680m², do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại **ấp 2 (nay là ấp 3)**, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông Ph tên trên giấy.

Nay, Ngân hàng TMCP B yêu cầu ông Trần Vũ Ph, bà Nguyễn Thị Th phải thanh toán số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/5/2022 là 217.153.032 đồng (trong đó: Nợ gốc 199.999.971đ, tiền lãi trong hạn 3.277.097đ, tiền lãi quá hạn 13.726.026đ và lãi phạt chậm trả 149.938đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 800202001807 ngày 23/12/2020. Đồng thời, ông Ph, bà Th cam kết mỗi tháng trả 10.000.000 đồng hoặc trong 6 tháng sẽ trả hết nợ thì phía Ngân hàng không đồng ý mà Ngân hàng yêu cầu ông Ph, bà Th phải thanh toán hết số nợ trên một lần hết nợ. Trường hợp ông Ph, bà Th không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông Ph, bà Th để đảm bảo thu hồi nợ.

Tại bản tự khi đề ngày 20/4/2022 bị đơn ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vào ngày 23/12/2020 vợ chồng tôi có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh H vay có đến Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hậu Giang vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 8002020021807 ký ngày 23/12/2020; Mục đích vay: Chăm sóc vườn tiêu và nuôi heo; thời hạn vay là 11 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10%/năm. Phương thức áp dụng lãi suất: Áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất quá hạn gốc bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả lãi. Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ vào ngày

23/11/2021. Kỳ hạn trả lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay trên đã quá hạn kể từ ngày 25/11/2021. Từ khi vay đến nay vợ chồng tôi không trả gốc nợ cho Ngân hàng nhưng vợ chồng tôi có số tiền dư trong tài khoản là 29 đồng nên Ngân hàng tự trừ thì còn số tiền vốn gốc là 199.999.971 đồng còn lãi suất thì vợ chồng tôi đóng được số tiền là 15.079.068 đồng thì ngưng đến nay. Hiện nay hồ sơ vay đã quá hạn từ ngày 24/11/2021 đến nay.

Đồng thời, vợ chồng tôi có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số HĐTC800202000392 ngày 23/12/2020 là 01 giấy CNQSD đất số C 718768, tờ bản đồ số V, thửa số 151 và thửa 211, tổng diện tích là 7.680m², do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại **ấp 2 (nay là ấp 3)**, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông Trần Vũ Ph tên trên giấy.

Do gia đình khó khăn, trồng tiêu chết hết nên vợ chồng tôi không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn được nay đã quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần xuống gia đình vợ chồng tôi làm việc và vợ chồng tôi cũng cam kết trả nợ nhưng vẫn không có khả năng thực hiện được mà để kéo dài đến nay.

Nay, Ngân hàng khởi kiện vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/5/2022 là 217.153.032 đồng (trong đó: Nợ gốc 199.999.971đ, tiền lãi trong hạn 3.277.097đ, tiền lãi quá hạn 13.726.026đ và lãi phạt chậm trả 149.938đ) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD 8002020021807 ký ngày 23/12/2020. Đồng thời, vợ chồng tôi cam kết mỗi tháng trả 10.000.000 đồng hoặc trong 6 tháng thì vợ chồng tôi sẽ bán đất trả hết nợ cho Ngân hàng còn Ngân hàng yêu cầu vợ chồng tôi trả một lần hết nợ trên thì vợ chồng tôi không có khả năng. Trường hợp vợ chồng tôi không trả nợ được cho Ngân hàng thì vợ chồng tôi đồng ý giao tài sản mà vợ chồng tôi thế chấp để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Trần Vũ Phong và bà Nguyễn Thị Th là tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Vũ Ph là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông Ph ủy quyền cho bà Th theo văn bản đề ngày 22/4/2022 nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Do đó, hai bên đương sự thừa nhận là ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay, phía ông Ph và bà Th không có thanh toán được vốn gốc nhưng vì ông Ph, bà Th có số tiền dư trong tài khoản là 29 đồng và Ngân hàng tự trừ nên hiện nay ông Ph, bà Th còn nợ vốn gốc là 199.999.971 đồng. Ông Ph, bà Th có đóng lãi được số tiền là 15.079.068 đồng thì ngưng, đến nay đã quá hạn mà chưa trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo qui định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cần buộc ông Ph và bà Th phải trả cho Ngân hàng số nợ trên là có căn cứ.

Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử là ngày 10/5/2022 thì ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th còn nợ tiền lãi là 17.153.061 đồng. Việc tính lãi của Ngân hàng là đúng thỏa thuận trong hợp đồng vay và phù hợp với qui định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 10/5/2022 là 217.153.032đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

[3] Xét về hợp đồng tín dụng số HĐTĐ 8002020021807 ký ngày 23/12/2020 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 14/4/2016 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện đúng cam kết nên hợp đồng vay cho đến nay bên vay là ông Ph, bà Th đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc ông Ph và bà Th phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC800202000392 ngày 23/12/2020 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 01 giấy CNQSD đất số C 718768, tờ bản đồ số V, thửa số 151 và thửa 211, tổng diện tích là 7.680m², do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/1994,

tọa lạc tại **ấp 2 (nay là ấp 3)**, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông Trần Vũ Ph tên trên giấy. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ là có căn cứ và đúng theo quy tại khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B yêu cầu ông Ph, bà Th tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th xin trả dần mỗi tháng là 10.000.000 đồng hoặc trong 6 tháng cho đến khi hết nợ cho Ngân hàng, yêu cầu này của ông Ph, bà Th không được đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng chấp nhận nên buộc ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng tổng vốn gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 10/5/2022 là 217.153.032đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

[5] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà Ngân hàng TMCP B đã nộp là 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008752 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí giá ngạch là: 217.153.032 đồng x 5% = 10.857.651,6 đồng làm tròn là 10.858.000đ (mười triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) nhưng ông Ph và bà Th là người cao tuổi được chính quyền địa phương xác nhận nên căn cứ Điều 2 Chương I Luật người cao tuổi năm 2009, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, 323, 463, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án

Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Xứ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th.

Buộc ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền là 217.153.032đ (hai trăm mười bảy triệu một trăm năm mươi ba nghìn không trăm ba mươi hai đồng) (Trong đó: Nợ gốc 199.999.971đ, tiền lãi trong hạn 3.277.097đ, tiền lãi quá hạn 13.726.026đ và lãi phạt chậm trả 149.938đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 8002020021807 ký ngày 23/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HĐTD 8002020021807 ký ngày 23/12/2020, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp, ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là đất và quyền sử dụng đất theo 01 Giấy CNQSD đất số C 718768, tờ bản đồ số V, thửa số 151 và thửa 211, tổng diện tích là 7.680m², do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại **ấp 2 (nay là ấp 3)**, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang do ông Trần Vũ Ph đứng tên trên giấy đề thu hồi nợ.

Khi ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long thì Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên Long có nghĩa vụ trả lại 01 Giấy CNQSD đất số C 718768, tờ bản đồ số V, thửa số 151 và thửa 211, tổng diện tích là 7.680m², do UBND huyện Gò Quao cấp ngày 28/4/1994, tọa lạc tại **ấp 2 (nay là ấp 3)**, xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang cho ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th.

2. Án phí DSST là: 10.858.000đ (mười triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng) ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th phải nộp nhưng ông Ph và bà Th là người cao tuổi được chính quyền địa phương xác nhận nên căn cứ Điều 2 Chương I Luật người cao tuổi năm 2009, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó ông Trần Vũ Ph và bà Nguyễn Thị Th được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền là 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008752 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 10/5/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh